

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

-Bản án số: 93/2024/HNGĐ-ST

-Ngày: 08/4/2024

- V/v: Xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lê Anh Chiến**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Trần Thị Huyền Trân** Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C không tham gia phiên tòa.*

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 538/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Phương T, sinh năm 1979.** (vắng mặt)

2. Bị đơn: **Trần Thị Huỳnh N, sinh năm 1983.** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Tân T, xã Song B, huyện C, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn Trần Phương T trình bày:* Năm 2018, anh và chị N tự nguyện cưới nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh N, huyện Gò Công T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 15/6/2018. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc cho đến thời gian khoảng đầu năm 2023 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do trong suốt thời gian chung sống không được hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau do không hợp nhau về suy nghĩ cũng như quan điểm, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, lạnh nhạt và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh, chị đã ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Thời gian qua, vợ chồng anh vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị N. Vợ chồng anh không có con chung, tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa, anh T có đơn xin vắng mặt.

* *Tại bản tự khai, bị đơn Trần Thị Huỳnh N trình bày:* chị trình bày thối nhất với anh T về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường đến thời gian đầu năm 2023, vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình và lối sống không hòa hợp, luôn gây gổ, cãi vã, không thể hòa hợp để tiếp tục sống chung nên đã ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh T. Vợ chồng chị không có con chung, tài sản chung và không có nợ chung. Tại phiên tòa, chị N có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, văn bản trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Chị N và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh N, huyện Gò Công T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 15/6/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn thường trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nay anh T xin ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "xin ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: anh T xin ly hôn với chị N vì thời gian qua giữa vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đã ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay và không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Chị N đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng không lớn nhưng anh, chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm nên anh T có đơn xin ly hôn với chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng giữa anh chị không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị N có văn bản trình bày ý kiến thống nhất ly hôn với anh T chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh được ly hôn với chị N.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh T trình bày thống nhất vợ chồng anh, chị không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Phương T.**

1. Về hôn nhân: Anh Trần Phương T được ly hôn với chị Trần Thị Huỳnh N

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Phương T và chị Trần Thị Huỳnh N không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Trần Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007087 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, anh T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhân:**

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Thanh N
huyện Gò Công T, tỉnh T
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Văn Tài

